TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

THỰC ĐƠN TUẦN 04 NĂM HỌC 2026 -2027

STT	Bữa	Thứ 2 (21/09/2026)	Thứ 3 (22/09/2026)	Thứ 4 (23/09/2026)	Thứ 5 (24/09/2026)	Thứ 6 (25/09/2026)	Thứ 7 (26/09/2026)	Chủ nhật (27/09/2026)
1	Bữa trưa	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ
		Thịt gà rang gừng	Đậu phụ rang thịt	Chả cá thì là rán	Giò lợn	Chả cá thì là rán	Thịt lợn vai xay rang trứng	Thịt lợn vai xay rang trứng
		Bắp cải luộc	Bắp cải luộc	Su su luộc	Bắp cải luộc	Bắp cải luộc	Su su luộc	Bắp cải luộc
		Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay Su su	Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay Su su	Canh thịt lợn xay bắp cải
2	Bữa tối	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ
		Thịt lợn vai xay rang trứng	Thịt gà rang gừng	Thịt lợn xào su su	Thịt gà rang gừng	Thịt lợn vai xay rang trứng	Thịt lợn xào su su	Thịt gà rang gừng
		Bí đỏ luộc	Su su luộc	Bắp cải luộc	Bí xanh luộc	Su su luộc	Bí xanh luộc	Bí xanh luộc
		Canh thịt lợn xay Bí đỏ	Canh thịt lợn xay Su su	Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay Bí xanh	Canh thịt lợn xay Su su	Canh thịt lợn xay Bí xanh	Canh thịt lợn xay Bí xanh

TRƯỞNG BAN QUẢN TRỊ ĐỜI SỐNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

HIỆU TRƯỞNG
Vũ Trọng Vinh

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 2 , ngày 21 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
			560	560	-	-	29,000	16,240,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	560	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	129			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt gà	Kg	75.0	86,000	6,450,000				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	155,000	310,000				Nấu Canh
4			Bắp cải	Kg	77.0	18,000	1,386,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							**8,146,000**				
1	560	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	129			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai xay	Kg	26.5	155,000	4,107,500				Thịt rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	155,000	310,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	509.0	4,500	2,290,500				
5			Bí đỏ	Kg	77.0	18,000	1,386,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							**8,094,000**				
Tổng cả ngày							**16,240,000**				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

Lường Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 3 , ngày 22 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
			560	560	-	-	29,000	16,240,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	560	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	129			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	34.0	155,000	5,270,000				Thịt rang đậu phụ
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	155,000	310,000				Nấu canh
4			Đậu phụ	Kg	48.5	22,000	1,067,000				
5			Bắp cải	Kg	78.0	18,000	1,404,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							**8,051,000**				
1	560	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	129			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt gà công nghiệp	Kg	75.5	86,000	6,493,000				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	155,000	310,000				Nấu canh
4			Su su	Kg	77.0	18,000	1,386,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							**8,189,000**				
Tổng cả ngày							**16,240,000**				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

Lường Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 4, ngày 23 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			560		560	-	-	29,000	16,240,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	560	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	129			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Chả cá thì là	Kg	58.4	110,000	6,424,000				Chả cá Rán
3											
4			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	155,000	310,000				Nấu canh
5			Su su	Kg	77.0	18,000	1,386,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							**8,120,000**				
1	560	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	129			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	36.8	155,000	5,704,000				Thịt xào Su su
3			Su su	Kg	39.0	18,000	702,000				
4			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	155,000	310,000				Nấu canh
5			Bắp cải	Kg	78.0	18,000	1,404,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							**8,120,000**				
Tổng cả ngày							**16,240,000**				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

Lường Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 5 , ngày 24 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			560		560	-	-	29,000	16,240,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	560	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	129			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Giò lợn nạc	Kg	35.2	180,000	6,336,000				Hấp
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	155,000	310,000				Nấu canh
4			Bắp cải	Kg	77.1	18,000	1,387,800				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							**8,033,800**				
1	560	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	129			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt gà công nghiệp	Kg	75.7	86,000	6,510,200				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	155,000	310,000				Nấu canh
4			Bí xanh	Kg	77.0	18,000	1,386,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							**8,206,200**				
Tổng cả ngày							**16,240,000**				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

Lường Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 6, ngày 25 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			560		560	-	-	29,000	16,240,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	560	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	129			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Chả cá thì là	Kg	58.4	110,000	6,424,000				Chả cá rán
3											
4			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	155,000	310,000				Nấu canh
5			Bắp cải	Kg	77.0	18,000	1,386,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							**8,120,000**				
1	560	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	129			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai xay	Kg	25.1	155,000	3,890,500				Thịt rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	155,000	310,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	559.0	4,500	2,515,500				
5			Su su	Kg	78.0	18,000	1,404,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							**8,120,000**				
Tổng cả ngày							**16,240,000**				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

Lường Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 7, ngày 26 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			560		560	-	-	29,000	16,240,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	560	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	129			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai xay	Kg	26.9	155,000	4,169,500				Thịt lợn rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	155,000	310,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	499.0	4,500	2,245,500				
5			Su su	Kg	77.5	18,000	1,395,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							**8,120,000**				
1	560	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	129			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	36.8	155,000	5,704,000				Thịt xào su su
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	155,000	310,000				Nấu canh
			Su su	Kg	39.0	18,000	702,000				Xào thịt
4			Bí xanh	Kg	78.0	18,000	1,404,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							**8,120,000**				
Tổng cả ngày							**16,240,000**				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

Lường Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Chủ nhật, ngày 27 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			560		560	-	-	29000	16,240,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	560	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	129			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai xay	Kg	26.5	155,000	4,107,500				Thịt rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	155,000	310,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	509.0	4,500	2,290,500				
5			Bắp cải	Kg	77.0	18,000	1,386,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							**8,094,000**				
1	560	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	129			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt gà công nghiệp	Kg	75.0	86,000	6,450,000				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	155,000	310,000				Nấu canh
5			Bí xanh	Kg	77.0	18,000	1,386,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							**8,146,000**				
Tổng cả ngày							**16,240,000**				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

Lường Văn Hà